TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2023
V/v tranh chấp hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn Chức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trứ - Ông Lê Thanh Miện

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2023/TLST- HNGĐ ngày 05/4/2023 theo quy định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 10/5/2023 giữa;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 – có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984 – có mặt

Cùng địa chỉ: thôn NT, xã NS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Đ kết hôn với nhau năm 2007 tại UBND xã NS. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyên đi đến hôn nhân, không bị ai ép buộc. Cưới xong hai vợ chồng sống cùng nhau tại thôn NT, xã NS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2022 nguyên nhân mâu thuẫn là anh Đ có đi quan hệ ngoại tình với người khác. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 27/07/2007 và cháu Nguyễn Thành H1, sinh ngày 28/01/2011. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu H, anh Đ nuôi cháu H1.

- Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị T kết hôn với nhau ngày 07/9/2007 tại UBND xã NS. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyên đi đến hôn nhân không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 9/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn chị T xin ly hôn anh không đồng ý mà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Bản thân anh không có biện pháp nào để hòa giải vợ chồng đoàn tụ, trường hợp chị T cố tình ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 27/07/2007 và cháu Nguyễn Thành H1, sinh ngày 28/01/2011. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu H1, chị T nuôi cháu H và anh không yêu cầu chị T góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Chị T trình bày: Chị kết hôn với anh Đ trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ có quan hệ ngoại tình với người khác. Việc mâu thuẫn vợ chồng chị đã tha thứ cho anh Đ, đã nói chuyện riêng với anh Đ nhiều lần cũng như họ hàng đã khuyên ngăn hòa giải hai vợ chồng.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 27/07/2007 và cháu Nguyễn Thành H1, sinh ngày 28/01/2011. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu H, anh Đ nuôi cháu H1.

Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh không nhất trí ly hôn với chị T. Anh thừa nhận có đi ngoại tình với người khác từ năm 2022. Tuy nhiên, việc này đến nay anh đã chấm dứt. Việc mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã được gia đình khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả. Trường hợp chị T vẫn cố tình ly hôn thì anh không có biện pháp nào để chị T rút đơn vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 27/07/2007 và cháu Nguyễn Thành H1, sinh ngày 28/01/2011. Trường hợp Tòa án xử cho anh và chị T ly hôn thì nuôi cháu H1, chị T nuôi cháu H.

Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn xử cho chị T được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: giao cháu H1 cho anh Đ nuôi dưỡng, giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng.

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ có nơi cư trú tại xã NS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn ngày 07/9/2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NS, huyện Hiệp Hoà nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống đến năm 2022 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Đ do bất đồng quan điểm sống, theo chị T là do anh Đ có quan hệ ngoại tình với người khác. Do mâu thuẫn trầm trọng nên hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Từ đó đến nay hai vợ chồng không còn quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh Đ và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Anh Đ không đồng ý ly hôn, mong muốn được đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Hội đồng xét xử thấy, vợ chồng chị T, anh Đ có thời gian mâu thuẫn từ năm 2022 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm yêu thương nhau, không chia sẻ với nhau về cuộc sống hàng ngày từ tháng 9/2022 cho đến nay, đời sống chung thực tế không còn tồn tại. Tại phiên tòa, anh Đ thừa nhận mình có đi ngoại tình. Việc mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên ngăn hòa giải. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh Đ đã đến mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị T được ly hôn anh Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh Đ, chị T có hai con chung là cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 27/07/2007 và cháu Nguyễn Thành H1, sinh ngày 28/01/2011. Khi ly hôn chị T xin được nuôi cháu H, anh Đ nuôi cháu H1. Anh Đ mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án xử cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cháu H1, chị T nuôi cháu H nên cần giao cháu H1 cho anh Đ nuôi dưỡng. Giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: chị T, anh Đ không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành H1, sinh ngày 28/01/2011 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thành H, sinh ngày 27/07/2007cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002614 ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hoà;
- CCTHADS huyện Hiệp Hoà;
- UBND xã NS;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)
Đặng Văn Chức